

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2018/DS-PT

Ngày 16-10-2018

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh

Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2018; về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 164/2018/QĐ-PT ngày 01/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Văn T và bà Trần Thị H; Địa chỉ: Tổ dân phố 11B, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Văn H1; Địa chỉ: Số 592 đường N, phường Q1, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Giấy ủy quyền ngày 02/12/2017).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T1 và bà Đinh Thị T2; Địa chỉ: Tổ 4B thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Ngọc Q; Địa chỉ: Số 332 đường T3, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Giấy ủy quyền ngày 09/3/2017 và ngày 17/3/2017).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

3.2. Bà Nguyễn Thị C; Địa chỉ: Số 204B đường P, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C: Ông Đinh Văn H1; Địa chỉ: Số 592 đường N, phường Q1, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Giấy ủy quyền ngày 17/01/2018) .

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13-5-2013 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Vũ Văn T và bà Trần Thị H trình bày:

Nguồn gốc lô đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 07, có diện tích 1.645 m² tại tổ dân phố 4B thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum do Nông trường Đ2 giao cho nguyên đơn sử dụng từ năm 1988, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 144428 ngày 14-7-2003, có tứ cận như sau:

Phía đông giáp quốc lộ 14.

Phía tây giáp lô cà phê ông T4.

Phía nam giáp đất ông T1, bà T2.

Phía bắc giáp thửa đất của ông K, ông S.

Ngày 15-3-2011 (âm lịch) ông T1 có nhờ ông ông Phạm Hồng L1 (hàng xóm của bị đơn) gọi điện gặp anh rể của nguyên đơn là ông Đặng Xuân H1 xin nhờ đặt hàng rào lưới B40 để chống trộm trên phần đất thổ cư của nguyên đơn. Ông H1 đã đồng ý và ông T1 dùng cột và lưới B40 rào từ tường gạch mới xây lên thẳng lên tường nhà bị đơn, khi ông H1 yêu cầu ông T1 dỡ hàng rào để nguyên đơn rào lại vườn nhưng ông T1 không chịu trả lại đất.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn phần diện tích đất bị lấn chiếm là 131,2 m² đất; tại đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 29-12-2017, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại 145,86 m² theo sơ đồ diện tích đất của ông T1, bà T2 sử dụng chồng lấn lên diện tích đất ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16-01-2017; trong quá trình giải quyết tranh chấp, nguyên đơn thay đổi, chỉ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả lại diện tích 122,63 m² đất.

Nguyên đơn có chuyển nhượng 1.166,3 m² đất cho ông Nguyễn Sỹ H2 và bà Nguyễn Thị C và đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03-01-2014, giữa nguyên đơn và vợ chồng ông H2 không có tranh chấp; diện tích đất này không liên quan đến diện tích đất đang tranh chấp mà nằm ở vị trí tách biệt ở phía bắc của thửa đất.

Bị đơn – ông Lê Văn T1 và bà Đinh Thị T2 trình bày:

Năm 1986, bị đơn được Nông trường 701 giao đất và đến năm 2004 hộ của ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 4.177,6 m² đất mang tên Lê Văn T1 tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 07 (hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được đo đạc chính quy). Ngày 14-9-2010, bị đơn có yêu cầu tách thửa đất cho vợ là bà Đinh Thị T2 với diện tích 1.000 m² và đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 131 tờ bản đồ số 07. Toàn bộ diện tích đất đứng tên bà Đinh Thị T2 giáp với diện tích đất của nguyên đơn. Việc bị đơn có nhờ ông Phạm Hồng L1 hỏi nguyên đơn để rào là có thật nhưng bị đơn chỉ rào phần đất của gia đình bị đơn.

Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 122,63 m² đất (trước đây là 145,86 m²) thì bị đơn không chấp nhận vì ranh giới thửa đất của bị đơn với nguyên đơn và lô cà phê là một đường thẳng, bị đơn cho rằng không lấn chiếm đất của nguyên đơn, nếu diện tích đất có thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thừa ở ngoài phần đất tranh chấp, việc nguyên đơn làm đơn khởi kiện bị đơn là không đúng mà phải kiện vợ bị đơn là bà Đinh Thị T2 mới đúng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn phản tố, yêu cầu Tòa án xem xét hủy bỏ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị C vì cho rằng việc cấp các giấy chứng nhận này không đúng quy định của pháp luật; đồng thời có yêu cầu phản tố buộc ông T, bà H phải trả lại diện tích đất 70m² đất.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C trình bày: Vợ chồng bà C có nhận chuyển nhượng của ông T qua người đại diện của nguyên đơn 1.166,3m² có hợp đồng chuyển nhượng được công chứng, chứng thực và đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03-01-2014 mang tên Nguyễn Thị C, Nguyễn Sỹ H2, thửa đất số 138, tờ bản đồ số 07 tại tổ dân phố 4B thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Sau khi nhận chuyển nhượng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng bà C, ông H2 với ông T và các hộ liền kề không có tranh chấp gì. Việc tranh chấp đất giữa ông T, ông T1 và bà T2 không có liên quan đến bà C, ông H2. Yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Trước đây, ông Nguyễn Sỹ H2 đã tham gia tố tụng cùng bà C nhưng trong thời gian giải quyết vụ án, ông H2 và bà C đã ly hôn và thỏa thuận giao quyền sử dụng đất này cho bà C được quyền sử

dụng và ông H2 cho rằng mình không còn có quyền lợi hay nghĩa vụ gì liên quan trong việc giải quyết vụ án.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự được thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hồ sơ cấp được đo đạc chính quy. Nay, các đương sự có tranh chấp, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và Ủy ban nhân dân huyện sẽ thực hiện theo đúng quyết định của Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 12/4/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Văn T1 và bà Đinh Thị T2 phải trả cho ông Vũ Văn T và bà Trần Thị H diện tích 122,63 m² đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 7, tại tổ dân phố 4B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 55/2017/DS-PT ngày 15/8/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 12/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 11/5/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 3 Điều 34, khoản 1 Điều 37, các Điều 147, 157, 158, 165 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 255, 256, 261 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 105 Luật Đất đai năm 2003.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 15-3-2013, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 29-12-2017 và đình chỉ xét xử đối với diện tích 23,23 m² mà nguyên đơn đã rút một phần trong nội dung khởi kiện bổ sung của nguyên đơn, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn đòi nguyên đơn 70m² đất.

Buộc ông Lê Văn T1 và bà Đinh Thị T2 phải tháo dỡ, dọn sạch toàn bộ hàng rào lưới B40 trụ bê tông và 01 bức tường xây gạch chiều dài 1,3m x chiều cao 2,45m (thuộc phía sau) trên diện tích 122,63 m² đất để trả lại cho ông Vũ Văn T và bà Trần Thị H diện tích 122,63 m² đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 7, tại tổ dân phố 4B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, có vị trí, tọa độ, kích thước như sau:

Từ điểm A3 (tọa độ X:1606207.240; Y: 544903.820) đến điểm A4 (tọa độ X: 1606209.241, Y: 544901.968) có chiều dài là 2,72 mét; từ điểm A4 (tọa độ X: 1606209.241, Y: 544901.968) đến điểm 13 (tọa độ X: 1606240.795; Y: 544938.29;

H: 614.198) có chiều dài là 48,8 mét; từ điểm 13 (tọa độ X: 1606240.795; Y: 544938.29; H: 614.198) đến điểm 15 (tọa độ X: 1606241.903; Y: 544942.8; H: 615.205) có chiều dài là 3,8 mét; từ điểm 15 (tọa độ X: 1606241.903; Y: 544942.8; H: 615.205) đến điểm 14 (tọa độ X: 1606241.922; Y: 544941.965; H: 614.86) có chiều dài là 0,8 mét; từ điểm 14 (tọa độ X: 1606241.922; Y: 544941.965; H: 614.86) đến điểm A3 (tọa độ X: 1606207.240; Y: 544903.820) có chiều dài là 52,1 mét (có sơ đồ và số liệu tọa độ kèm theo Bản án).

Bác yêu cầu của ông Lê Văn T1 và bà Đinh Thị T2 yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 144428 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14-7-2003, đứng tên hộ ông Vũ Văn T.

Buộc ông Lê Văn T1 và bà Đinh Thị T2 phải hoàn trả cho ông Vũ Văn T số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.350.000 (Chín triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 21- 5 – 2018, bị đơn ông Lê Văn T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum. Lý do kháng cáo: bản án sơ thẩm chưa khách quan, không đúng qui định của pháp luật và không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/7/2003 cấp cho hộ ông T, thửa đất số 39 có diện tích 1.645 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/3/2004 cấp cho hộ ông T1, thửa đất số 55 có diện tích là 4.177,6 m².

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổ chức 03 lần xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Mặc dù kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ có khác nhau, nhưng kết quả đo đạc thể hiện diện tích thửa đất số 55 của hộ ông T1 đều nhiều hơn so với diện tích ghi nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 15/3/2014 (tăng từ 164,3 m² đến 244,6 m²). Trong đó, kết quả đo đạc lần thứ ba ngày 06/01/2017 thể hiện phần diện tích đất thực tế đang sử dụng của hộ ông T1 nhiều hơn diện tích được cấp trong giấy chứng nhận là 178,65 m², diện tích của hộ ông T thiếu 241,2 m².

[3] Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/01/2017 để làm căn cứ giải quyết vụ án với nhận định việc đo đạc lần thứ ba sử dụng phương pháp định vị GPS GNSS có độ chính xác cao, là phù hợp.

[4] Về đường bờ lô trước đây nằm ở ranh giới phía Bắc thửa đất số 55 của ông T1, tại bản tự khai ngày 09/7/2015, bị đơn ông T1 trình bày: “... đất của ông T không giáp đất nhà tôi. Thực tế có đất lưu không ngăn cách giữa thửa đất ông T và đất nhà

tôi có chiều rộng 2,6 m dài dọc theo đất nhà tôi và đất ông T. Trước đây tôi biết đất lưu không này thuộc Nông trường quản lý. Hiện tại giờ ai quản lý tôi cũng không biết. Trước năm 1995 vùng đất lưu không do Nông trường Đ2 quản lý... ”.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/4/2017, ông T1 thừa nhận: *“Trước đây có một bờ lô, trong quá trình sử dụng thì ông T1 có đào mức diện tích bờ lô này để lấy đất sử dụng và hiện tại đất của ông T1 là một đường thẳng, nếu có đào khoét thì sẽ lấn chiếm sang đất ông T4 và ông T4 sẽ có ý kiến tranh chấp rồi”*

[6] Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/11/2013, người làm chứng ông Phạm Hồng L1 trình bày: *“Trước đây, đất của ông H1 (T) cũng như đất cà phê của Ông T4 có một bờ lô rộng khoảng 4m (xe ô tô, máy cày chạy được), khi cấp đất cho anh T thì bờ lô đó vẫn thuộc đất anh T, còn bờ lô dưới là đất của ông T4 đang làm cà phê giáp đất của ông T1. Sau khi ông T1 hỏi ông H1 mượn để rào thì phía bờ lô giáp đất ông T4, ông T1 cho máy xúc đào trước, sau đó ông T1 lại cho máy xúc đất phía giáp đất nhà ông T sâu vào khoảng 3 m”* .

[7] Tại bản tường trình ngày 14/10/2014, người làm chứng ông Tiêu Văn Tuyên trình bày: *“Tháng 11/2011 (âm lịch), ông T1 đào đất của nhà ông T, ông T1 gọi Tổ dân phố 4B làm giấy xác nhận từ cận, đất của tôi và ông T1 là không tranh chấp và lúc này vẫn còn nguyên hàng rào, cây bờ lờ. Đến tháng 02/2012 (âm lịch), ông T1 tự động dùng máy xúc đào khoét toàn bộ diện tích đất bờ lô chạy từ cọc rào bê tông phía Tây nhà ông T đến hết lô cà phê nhà tôi (sâu vào khoảng hơn 3 m x 100 m), lấn vào trong cọc rào ông đã rào, sát hàng cà phê nhà tôi. Bức xúc trước việc ông T1 tự ý đào khoét đất nên tôi không còn bờ chắn nước. Tôi định làm đơn kiện ông T1. Khi đó tôi gặp chú tôi là Vũ Đức T5 nói sự việc, chú T5 ngăn không cho tôi đi kiện, chú nói đó là bờ lô chắn nước đất nông nghiệp thuộc nông trường quản lý, kiện giải quyết được việc gì... ”.*

[8] Lời khai của những người làm chứng thể hiện năm 2012 ông T1 có mượn đất của ông T để dựng hàng rào, mục đích trông giữ tài sản và ông T1 có đào khoét, sử dụng đường bờ lô. Vị trí mượn đất là vị trí đang tranh chấp. Tờ bản đồ số 7 lập năm 2001 không thể hiện có đường bờ lô tại vị trí ranh giới giữa hai thửa đất, do khi đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đường bờ lô trên đã được cấp cho nguyên đơn.

[9] Như vậy, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp 122,63 m² là đất của ông Vũ Văn T mà bị đơn đang lấn chiếm. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T1, bà T2 phải trả lại diện tích đất 122,63 m² theo yêu cầu của nguyên đơn, là có căn cứ. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn T1.

[10] Về việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2017, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả lại khoảng 127m² đất. Tại phiên tòa sơ thẩm (lần một) ngày 11/4/2017, nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả 122,63m² đất. Sau khi vụ án thụ lý lại, tại đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 29-12-2017, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả diện tích đất 145,86m². Tại phiên tòa sơ thẩm (lần hai) ngày 11/5/2018, nguyên đơn thay đổi, chỉ yêu cầu bị đơn trả diện tích đất 122,63m², chênh lệch giảm: 23,23m². Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm như trên được chấp nhận vì nội dung thay đổi vẫn nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu theo qui định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử

đối với yêu cầu giảm diện tích 23,23 m² và thông báo nguyên đơn có quyền khởi kiện lại là không đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11] Việc đình chỉ xét xử tại phiên tòa sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chỉ áp dụng đối với việc rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện được hiểu là trong trường hợp nguyên đơn khởi kiện nhiều quan hệ pháp luật khác nhau, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn không rút toàn bộ mà chỉ rút một hoặc một vài quan hệ pháp luật tranh chấp.

[12] Do kháng cáo không được chấp nhận, người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn T1;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Điều 166 Luật Đất đai năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn T và bà Trần Thị H.

1. Buộc ông Lê Văn T1 và bà Đinh Thị T2 phải tháo dỡ, dọn sạch toàn bộ hàng rào lưới B40 trụ bê tông và 01 bức tường xây gạch chiều dài 1,3m x chiều cao 2,45m (thuộc phía sau) trên diện tích 122,63 m² đất để trả lại cho ông Vũ Văn T và bà Trần Thị H diện tích 122,63 m² đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 7, tại tổ dân phố 4B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, có vị trí, tọa độ, kích thước như sau:

2. Từ điểm A3 (tọa độ X:1606207.240; Y: 544903.820) đến điểm A4 (tọa độ X: 1606209.241, Y: 544901.968) có chiều dài là 2,72 mét; từ điểm A4 (tọa độ X: 1606209.241, Y: 544901.968) đến điểm 13 (tọa độ X: 1606240.795; Y: 544938.29; H: 614.198) có chiều dài là 48,8 mét; từ điểm 13 (tọa độ X: 1606240.795; Y: 544938.29; H: 614.198) đến điểm 15 (tọa độ X: 1606241.903; Y: 544942.8; H: 615.205) có chiều dài là 3,8 mét; từ điểm 15 (tọa độ X: 1606241.903; Y: 544942.8; H: 615.205) đến điểm 14 (tọa độ X: 1606241.922; Y: 544941.965; H: 614.86) có chiều dài là 0,8 mét; từ điểm 14 (tọa độ X: 1606241.922; Y: 544941.965; H: 614.86) đến điểm A3 (tọa độ X:1606207.240; Y: 544903.820) có chiều dài là 52,1 mét (có sơ đồ và số liệu tọa độ kèm theo bản án).

3. Bác yêu cầu của ông Lê Văn T1 và bà Đinh Thị T2 yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 144428 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14-7-2003, đứng tên hộ ông Vũ Văn T.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn đòi nguyên đơn trả 70m² đất.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Buộc ông Lê Văn T1 và bà Đinh Thị T2 phải hoàn trả cho ông Vũ Văn T số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 9.350.000đ.

6. Án phí:

a. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn T1 và bà Đinh Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.400.000đ; khấu trừ số tiền đã nộp tại biên lai số AA/2010/0006393 ngày 12/8/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum và số tiền 200.000đ theo biên lai số AA/2010/006206 ngày 24/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Kon Tum; còn phải nộp tiếp 4.675.000đ.

Hoàn trả ông Vũ Văn T số tiền 1.748.175đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005512 ngày 5-6-2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

b. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số AA/2014/0002083 ngày 04/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự